

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ DỊCH THUẬT CVN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ DỊCH THUẬT CVN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CVN TRANSLATION AND TUORISM DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CVN TRANS .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107502080

**3. Ngày thành lập:** 12/07/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 228 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0463260928

Fax:

Email: [cvntour@gmail.com](mailto:cvntour@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                        | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                     | 1812     |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                    | 1820     |
| 4.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                  | 5210     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                     | 5229     |
| 6.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                    | 5510     |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                             | 4722     |
| 8.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4771     |
| 9.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                             | 5610     |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                        | 6201     |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                          | 6202     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. | 6209     |
| 13. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                        | 4100     |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                    | 4210     |
| 15. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                 | 4220     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)<br>+ Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;<br>+ Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc;<br>+ Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...;<br>+ Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4511 |
| 17. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4512 |
| 18. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4513 |
| 19. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4631 |
| 20. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4632 |
| 21. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4641 |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...;<br>- Bán buôn ô dù;<br>- Bán buôn dao, kéo;<br>- Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp;<br>- Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp);<br>- Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh;<br>- Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức;<br>- Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi. | 4649 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4653 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác;<br>- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4773 |

|     |                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                                                            | 4791        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; | 4932        |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                  | 8230        |
| 28. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                           | 8292        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                       | 8299        |
| 30. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                       | 8532        |
| 31. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                    | 8560        |
| 32. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                             | 6619        |
| 33. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                          | 6820        |
| 34. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                   | 7020        |
| 35. | Quảng cáo                                                                                                                                                  | 7310        |
| 36. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                             | 7410        |
| 37. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động dịch thuật, biên dịch, phiên dịch                           | 7490(Chính) |
| 38. | Đại lý du lịch                                                                                                                                             | 7911        |
| 39. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                      | 7912        |
| 40. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                               | 7920        |
| 41. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                      | 8211        |
| 42. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                   | 8219        |
| 43. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                               | 8220        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.368.900.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN NGỌC LAN      | Số 6 phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 8.214      | 82.140.000            | 6,000     | 010213300                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 8.214      | 82.140.000            | 6,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HUYỀN QUANG | Số 6 phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 93.085     | 930.850.000           | 68,000    | C0998527                                                                                    |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 93.085     | 930.850.000           | 68,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN NGỌC LOAN   | Số 6 phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 35.591     | 355.910.000           | 26,000    | C0632949                                                                                    |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 35.591     | 355.910.000           | 26,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HUYỀN QUANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *17/07/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: *C0998527*

Ngày cấp: *01/10/2015*

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6 phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 6 phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội